CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỊA ỐC AN GIANG
Số: 140, Phan Bội Châu, phường Bình Khánh, TPLX, tỉnh An Giang
Telephone : 0296 3 953 895 - Fax: 0296 3 953 145
Email : anresco.angiang@gmail.com
Website: www.diaocag.com.vn

Long xuyên, ngày 12 tháng 4 năm 2021

THÔNG BÁO
Giá một số sản phẩm phục vụ xây dựng

Kính gửi: Sở Xây dựng An Giang

Công ty Cổ phần Địa ốc An Giang xin thông báo đến Quý Cơ Quan giá các sản phẩm do Công ty chúng tôi sản xuất, với giá như sau:

TT	Tên sản phẩm	ĐVT	Giá bán (đồng/ĐVT)	Phụ ghi
A	**Cống bê tông ly tâm sản xuất theo tiêu chuẩn TCVN 11823 : 2017 và TCVN 9113 : 2012**			
1	**Cống Φ 400 mm - D=50mm, f' c=28Mpa**			
	Hoạt tải $3x10^{-3}$ Mpa (cống dọc đường)	mét	284.000	Cấp tải thấp
	Hoạt tải 65%HL93 (cống qua đường > H10)	mét	296.000	Cấp tải tiêu chuẩn
	Hoạt tải100%HL93 (cống qua đường > H30)	mét	308.000	Cấp tải cao
2	**Cống Φ 600 mm - D=63mm, f' c=28Mpa**		-	
	Hoạt tải $3x10^{-3}$ Mpa (cống dọc đường)	mét	439.000	Cấp tải thấp
	Hoạt tải 65%HL93 (cống qua đường > H10)	mét	484.000	Cấp tải tiêu chuẩn
	Hoạt tải100%HL93 (cống qua đường > H30)	mét	519.000	Cấp tải cao
3	**Cống Φ 800 mm - D=80mm, f' c=28Mpa**		-	
	Hoạt tải $3x10^{-3}$ Mpa (cống dọc đường)	mét	700.000	Cấp tải thấp
	Hoạt tải 65%HL93 (cống qua đường > H10)	mét	778.000	Cấp tải tiêu chuẩn
	Hoạt tải100%HL93 (cống qua đường > H30)	mét	877.000	Cấp tải cao
4	**Cống Φ 1000 mm - D=100mm, f' c=28Mpa**		-	
	Hoạt tải $3x10^{-3}$ Mpa (cống dọc đường)	mét	1.106.000	Cấp tải thấp
	Hoạt tải 65%HL93 (cống qua đường > H10)	mét	1.251.000	Cấp tải tiêu chuẩn
	Hoạt tải100%HL93 (cống qua đường > H30)	mét	1.380.000	Cấp tải cao
5	**Cống Φ 1200 mm - D=120mm, f' c=28Mpa**			
	Hoạt tải $3x10^{-3}$ Mpa (cống dọc đường)	mét	2.357.000	Cấp tải thấp
	Hoạt tải 65%HL93 (cống qua đường > H10)	mét	2.458.000	Cấp tải tiêu chuẩn
	Hoạt tải100%HL93 (cống qua đường > H30)	mét	2.618.000	Cấp tải cao

TT	Tên sản phẩm	ĐVT	Giá bán (đồng/ĐVT)	Phụ ghi
6	**Cống Φ 1500 mm - D=120mm, f' c=28Mpa**			
	Hoạt tải $3x10^{-3}$ Mpa (cống dọc đường)	mét	2.906.000	Cấp tải thấp
	Hoạt tải 65%HL93 (cống qua đường > H10)	mét	3.100.000	Cấp tải tiêu chuẩn
	Hoạt tải100%HL93 (cống qua đường > H30)	mét	3.380.000	Cấp tải cao
B	**Gối cống các loại M200**			
1	Gối cống Φ 400	cái	140.000	
2	Gối cống Φ 600	cái	203.000	
3	Gối cống Φ 800	cái	250.000	
4	Gối cống Φ 1000	cái	310.000	
5	Gối cống Φ 1200	cái	581.000	
6	Gối cống Φ 1500	cái	672.700	
C	**Ron Cống các loại**			
1	Ron cống Φ 400	sợi	37.800	
2	Ron cống Φ 600	sợi	47.500	
3	Ron cống Φ 800	sợi	58.400	
4	Ron cống Φ 1000	sợi	68.200	
5	Ron cống Φ 1200	sợi	79.100	
6	Ron cống Φ 1500	sợi	94.400	
D	**Cọc bê tông dự ứng lực sản xuất theo tiêu chuẩn TCVN 11823 : 2017 và TCVN 5574 : 2018, TCVN 7888 : 2014**			
I.	**Cọc bê tông DƯL 100 x 100, 120 x 120, 150 x 150 mm- M400, cường độ thép 17.250 Kg/cm²:**			
1	Cọc bê tông DƯL 100 x 100-35Mpa ≥ M400; L ≥ 2m	mét	51.000	
2	Cọc bê tông DƯL 120 x 120-35Mpa ≥ M400; L ≥ 2m	mét	65.000	
3	Cọc bê tông DƯL 150 x 150-35Mpa ≥ M400; L ≥ 2m	mét	90.000	
II.	**Cọc bê tông DƯL 200 x 200 mm- M400, cường độ thép 14.200 Kg/cm²: (đoạn mũi không nối cọc)**			
1	Cọc bê tông DƯL 200 x 200 - 35Mpa ≥ M400; (Từ L ≥ 7 đến L ≤ 8m)	mét	196.000	
2	Cọc bê tông DƯL 200 x 200-35Mpa ≥ M400; (Từ L ≥ 4 đến L < 7m)	mét	215.000	

TT	Tên sản phẩm	ĐVT	Giá bán (đồng/ĐVT)	Phụ ghi
III. Cọc bê tông DƯL 200 x 200 mm- M400, cường độ thép 14.200 Kg/cm^2: (đoạn có nối cọc)				
1	Cọc bê tông DƯL 200 x 200 - 35Mpa ≥ M400; (Từ L ≥ 7 đến L ≤ 8m)	mét	209.000	
2	Cọc bê tông DƯL 200 x 200-35Mpa ≥ M400; (Từ L ≥ 4 đến L < 7m)	mét	227.300	
IV. Cọc bê tông DƯL 250 x 250 mm- M400, cường độ thép 14.200 Kg/cm^2: (đoạn mũi không nối cọc)				
1	Cọc bê tông DƯL 250 x 250-35Mpa ≥ M400; (Từ L > 6 đến L ≤ 10m)	mét	295.000	
2	Cọc bê tông DƯL 250 x 250-35Mpa ≥ M400; (Từ L ≥ 4 đến L ≤ 6m)	mét	323.000	
V. Cọc bê tông DƯL 250 x 250 mm- M400, cường độ thép 14.200 Kg/cm^2: (đoạn có nối cọc)				
1	Cọc bê tông DƯL 250 x 250-35Mpa ≥ M400; (Từ L > 6 đến L ≤ 10m)	mét	304.000	
2	Cọc bê tông DƯL 250 x 250-35Mpa ≥ M400; (Từ L ≥ 4 đến L ≤ 6m)	mét	332.000	
E	**Gạch Terrazzo-Lát vỉa hè TCVN 7744: 2013**			
1	Gạch (400x400)mm, dày 30mm (+/-1,3) – màu vàng	m^2	86.400	
2	Gạch (400x400)mm, dày 30mm (+/-1,3), màu xám, xám tro, màu đỏ, màu xanh.	m^2	81.800	
F	**Gạch xây không nung (Block) TCVN 6477: 2016**			
1	Gạch 190mm x 190mm x 390mm	viên	7.910	
2	Gạch 100mm x 190mm x 390mm	viên	4.240	
3	Gạch 45mm x 90mm x 190mm	viên	934	

Ghi chú:

- Giá trên chưa bao gồm thuế VAT (10%).
- Hàng được giao trên phương tiện của bên mua tại Nhà máy Cấu kiện Bê tông An Giang (trực thuộc Công ty Cổ phần Địa ốc An Giang) tọa lạc tại QL 91 ấp Vĩnh Hưng, xã Vĩnh Thạnh Trung, huyện Châu Phú, tỉnh An Giang.
- Bảng giá này có hiệu lực kể từ ngày 12/04/2021 đến khi có Bảng Báo giá mới điều chỉnh.

Mọi chi tiết xin liên hệ tại:

- **Phòng kinh doanh – Tổng hợp (Công ty Cổ phần Địa ốc An Giang):**
  - Địa chỉ: Số 140 Phan Bội Châu, phường Bình khánh, TP long Xuyên, An Giang.
  - Điện thoại: (0296). 3 953666 – 0918.515.737 (P.Thành) – 0909.954.316 (Nguyên).

Rất hân hạnh phục vụ Quý khách hàng !

P.TỔNG GIÁM ĐỐC

M.S.D.N: 1600... CÔNG TY CP ĐỊA ỐC AN GIANG T.P LONG XUYÊN-T.AN GIANG

Nguyễn Văn Trung

Nơi nhận:
-Như kính gửi;
-Lưu: VT.